TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115/2021/KDTM-PT**
Ngày 11/6/2021
V/v *"Tranh chấp hợp đồng gia công"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

***Các Thẩm phán*:** Bà Lê Thúy Linh

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hoa - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 09 và 11/6/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 237/2020/TLPT-KDTM ngày 04/11/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về việc "Tranh chấp hợp đồng gia công".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2020/KDTM-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 272/2021/QĐ-PT ngày 14/5/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Công ty X;

Địa chỉ: đường T, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quang H - Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Đ – Cán bộ; có mặt

-Bị đơn: Công ty T;

Địa chỉ: phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Đức T - Chủ tịch Hội đồng quản trị; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai, nguyên đơn và người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 18/01/2010, Công ty chúng tôi (gọi tắt là Công ty X – Bên A) và Công ty T (gọi tắt là Công ty T – Bên B) ký kết "Hợp đồng hợp tác kinh doanh" số: 04/2010, về việc: Sản xuất và cung cấp cấu kiện C-Deck. Theo hợp đồng này, chúng tôi – Bên A giao và bên B nhận tổ chức sản xuất để cung cấp sản phẩn C-Deck để cung cấp cho bên A với công suất như sau:

- Năm 2010: 100.000 m2 sàn/năm.

- Năm 2011 – 2012: 300.000 m2 sàn/năm.

Và các điều kiện khác được hai bên ghi nhận tại Hợp đồng.

Quá trình thực hiện Hợp đồng, hai bên đã ký thêm Phụ lục 01 ngày 22/3/2010 và Phụ lục 02 ngày 01/7/2010 để thỏa thuận làm rõ đơn giá và giá trị hợp đồng.

Đến ngày 05/8/2011, hai bên kết thúc hợp đồng bằng biên bản thanh lý hợp đồng (đổi vị trí trong Biên bản: Bên A là Công ty T, bên B là Công ty X) xác định:

1. Khối lượng công việc:

Bên B sản xuất cung cấp cho bên A cấu kiện Cdeck một số công trình: Lê Trọng Tấn; Locogi 13; Phú Sơn – Thanh Hóa và một số sàn cho công trình tại Hà Nội.

2. Giá trị thanh lý phụ lục hợp đồng:

a) Giá trị thanh lý là: 3.022.411.585 đồng

b) Giá trị bên A đã trả cho bên B là: 2.288.364.209 đồng

c) Giá trị bên A còn phải trả cho bên B là: (a) – (b) 734.047.376 đồng.

Sau đó, Công ty T đã trả tiếp cho chúng tôi số tiền 290.000.000 đồng và tính đến nay còn nợ chúng tôi số tiền là 444.047.376 đồng. Từ đó đến nay chúng tôi liên tục hối thúc đòi nợ nhưng Công ty T không trả nợ.

Tại bản đối chiếu công nợ ngày 05/01/2019, phía Công ty T xác nhận khoản công nợ nêu trên.

Đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty T trả nợ Công ty X tổng số tiền 731.892.207 đồng, bao gồm nợ gốc nêu trên và khoản nợ lãi chậm trả là 10%/năm (tức 0,83%/tháng theo bảng thống kê chi tiết lãi chậm trả kèm theo) tính từ tháng 8/2011 đến nay là 287.844.831 đồng.

Bị đơn và người đại diện của bị đơn trình bày:

Xác nhận những nội dung về hợp đồng số 04/2010 ngày 18/01/2010 và Phụ lục 01 ngày 22/3/2010; Phụ lục 02 ngày 01/7/2010 giữa Công ty X và Công ty T như trình bầy của nguyên đơn là đúng.

Về quá trình ký kết và thực hiện hợp đồng giữa nguyên đơn và bị đơn không có tranh chấp gì. Điều này thể hiện bằng biên bản thanh lý hợp đồng ngày 05/8/2011. Trong đó hai bên xác định Công ty T còn nợ Công ty X số tiền 734.047.376 đồng. Thực hiện thỏa thuận trong biên bản thanh lý hợp đồng, Công ty T đã trả nợ cho Công ty X được 290.000.000 đồng. Hiện còn nợ 444.047.376 đồng.

Nay, công ty xác nhận có trách nhiệm trả nợ cho Công ty X số tiền trên bằng phương án:

Phương án 1: Ủy quyền cho cho Công ty X đi thu tiền của các đơn vị liên quan đến hợp đồng số 04/2010. Sau khi thu được thì chuyển vào tài khoản của Công ty X.

Phương án 2: Nếu không đồng ý phương án trên, thì Công ty T đi đòi nợ được các công ty đối tác thì tiền sẽ được chi trả theo trình tự sau đây: trả tiền nợ thuế cho Nhà nước; trả lương cán bộ trong công ty; trả nợ cho người cho công ty vay tiền để hoạt động sản xuất kinh doanh; trả nợ đơn vị cung cấp vật tư để thực hiện hợp đồng này; sau cùng mới là trả tiền cho Công ty X.

Phương án 3: Mỗi quý sẽ trả cho nguyên đơn 15.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu đòi tiền nợ gốc, đề nghị Tòa án buộc bị đơn phải thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn từ ngày 05/8/2011 đến ngày 21/8/2020 là 398.044.067 đồng;

Bị đơn giữ nguyên quan điểm như đã trình bầy và đưa ra phương án hòa giải thứ 4: Trả ngay 24.000.000 đồng khi thu được tiền nợ của Công ty L.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm 37/2020/KDTM-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội đã xử:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 271, 273, 278, 280 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 547; Điều 548 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 357, 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X đối với Công ty T.

2. Buộc Công ty T phải thanh toán trả cho Công ty X số tiền nợ gốc là: 444.047.376 đồng; nợ lãi: 398.044.067 đồng. Tổng số tiền phải trả là: 842.091.443 đồng.

3. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

4. Về án phí: Công ty T phải chịu 37.262.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty X số tiền tạm ứng án phí 16.637.844 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí số 0014238 ngày 14/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành ánh dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy đinh tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, Công ty T kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị xét lại bản án sơ thẩm theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

Bị đơn xác nhận số tiền nợ gốc như bản án sơ thẩm đã tuyên, về nợ lãi bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét vì hợp đồng được ký từ năm 2010, nên không thể áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2015 để tính lãi.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội nhận xét và đề nghị:

- Về tố tụng: Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của Công ty T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tiến hành tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của Công ty T được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Tranh chấp giữa Công ty X với Công ty T phát sinh từ hợp đồng số 04/2010 ngày 18/01/2010 về việc sản xuất và cung cấp cấu kiện C-Deck, được xác lập bởi các chủ thể có đăng ký kinh doanh và có mục đích lợi nhuận, nên là tranh chấp kinh doanh thương mại.

Bị đơn Công ty T có địa chỉ tại phường P, quận Đ, thành phố Hà Nội, nên Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền

[2] - Về nội dung kháng cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Ngày 18/01/2010 Công ty X đã ký kết hợp đồng hợp tác kinh doanh số 04/2010 với Công ty T về việc sản xuất và cung cấp cấu kiện C-Deck.

Sau khi ký kết hợp đồng, hai bên đã thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận. Ngày 05/8/2011 hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng, xác định Công ty T còn nợ Công ty X 734.047.376 đồng. Sau đó, Công ty T đã thanh toán 290.000.000 đồng, nên còn nợ lại 444.047.376 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đều thừa nhận số tiền nợ gốc 444.047.376 đồng, do đó án sơ thẩm buộc Công ty T phải thanh toán cho Công ty X số tiền nợ gốc 444.047.376 đồng là có căn cứ.

Theo quy định của Điều 306 Luật thương mại: "Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác".

Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ gốc 444.047.376 kể từ ngày 05/8/2011 (ngày hai bên thanh lý hợp đồng) đến ngày 21/8/2020 (ngày xét xử sơ thẩm) là có cơ sở.

Án sơ thẩm áp dụng mức lãi suất 10%/năm thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình của liên ba ngân hàng (Vietcombank: 7-10%/năm x 150%; BIDV: 7,1-8,9%/năm x 150%; Agribank: 7,5-10%/năm x 150%) trên thị trường tại thời điểm thanh toán và buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền lãi 398.044.067 đồng là đúng pháp luật. Vì vậy không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn.

Từ những nhận định trên.

Căn cứ Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 30; Điều 37; Điều 38; Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự

Áp dụng Điều 357, 468 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Điều 547; Điều 548 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Áp dụng Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

-Không chấp nhận kháng cáo của Công ty T

-Giữ nguyên bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 37/2020/KDTM-ST ngày 21/8/2020 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội và xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty X đối với Công ty T.

Buộc Công ty T phải thanh toán trả cho Công ty X:

- Nợ gốc: 444.047.376 đồng

- Nợ lãi: 398.044.067 đồng

Tổng số tiền: 842.091.443 đồng.

2. Bác các yêu cầu khác của các bên đương sự.

3. Về án phí sơ thẩm:

Công ty T phải chịu 37.262.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Hoàn trả Công ty X 16.637.844 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0014238 ngày 14/05/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành, các bên không thỏa thuận được lãi suất thì hàng tháng phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành ánh dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy đinh tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí phúc thẩm:

Công ty T phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm, được trừ vào 2.000.000 đồng tạm ứng án phí (đã nộp) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0014819 ngày 24 tháng 09 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tp Hà Nội;
- CCTHADS quận Đống Đa, tp Hà Nội;
- TAND quận Đống Đa, tp Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thái Sơn